

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2019
V/v: “Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2019, về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2019; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 24/7/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh N, sinh năm 1988

HKTT: thị trấn L, huyện L1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: phường L2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông P, sinh năm 1976; địa chỉ: phường L3, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Là đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2019. (Ông N vắng mặt, ông P có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988

HKTT: phường L2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: phường L2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông C, sinh năm 1964; địa chỉ: phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Là đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2019. (Bà H vắng mặt, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông N và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có với nhau 01 con chung tên K, sinh ngày 17/4/2013, do cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2015. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 13/2016/QĐ-GQVHN ngày 29/01/2015 Tòa án nhân dân thành phố B quyết định: Ông N, bà H thuận tình ly hôn; về con chung bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con; các quyền và nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông N thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, thời gian đầu khi bà H đang công tác tại Trường tiểu học N1, thành phố B thì còn tạo điều kiện cho ông thăm con. Nhưng đến giữa năm 2017 bà H nghỉ việc thì việc tìm và gặp con rất khó khăn. Sau một thời gian đến khi liên lạc được với bà H thì việc thăm gặp con có khó khăn và bị hạn chế. Có thời điểm con bị bệnh ông là người trực tiếp phải lo cho con, theo thỏa thuận thì ông N không phải cấp dưỡng, nhưng thực tế ông vẫn thực hiện trách nhiệm này.

Hiện nay bà H là người nuôi con nhưng điều kiện và quyền lợi của con không được đảm bảo như bà H chưa có nơi ở, công việc ổn định; thường xuyên thay đổi chỗ ở và nơi học của con, không có quỹ thời gian để chăm sóc, vui chơi với con; ngoài ra hiện nay bà H chung sống với khác không đăng ký kết hôn, trong điều kiện này có phần ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu K.

Về điều kiện của ông N: Hiện nay ông sinh sống và làm việc tại thành phố B, nơi mà gia đình ông, gia đình bà H cùng họ hàng sinh sống từ trước đến nay, công việc ổn định có thu nhập cao. Hiện ông công tác tại Ban quản lý dự án G tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngoài ra ông còn quản lý Hợp tác xã Dịch vụ vận tải T-H đang hoạt động rất hiệu quả; ông có tiền tích lũy và gửi tiết kiệm tại Ngân hàng để lo cho con ăn học, ông có phương tiện đi lại là xe ô tô đảm bảo điều kiện đưa đón học tập cho con, có nhiều thời gian chăm sóc con.

Để đảm bảo quyền lợi ích tốt nhất cho con, nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày:

Bà H xác nhận quá trình hôn nhân và con chung như phía nguyên đơn trình bày. Theo quyết định ly hôn thì bà H là người được quyền nuôi con đến tuổi trưởng thành. Về quyền lợi của con luôn được đảm bảo như: Hiện nay bà là giáo viên tiểu học, làm giờ hành chính, sống cùng với hai người em gái nên phụ bà chăm sóc nuôi dạy cháu K.

Sau khi nghỉ dạy tại Trường tiểu học N1, thành phố B thì bà xin việc và đi làm tại một số quận ở thành phố Hồ Chí Minh như khu V (Lanmark 4), khu đô thị Q, quận 7. Điều kiện kinh tế hiện nay thu nhập bình quân trên 15 triệu đồng/tháng, bà cũng tích lũy gửi tiết kiệm được 200 triệu đồng. Hiện nay bà cho con học tại trường mầm non Quốc tế, điều kiện chăm sóc con tốt. Việc chăm sóc y tế, sức khỏe cho con được đảm bảo. Bà cũng đã mua bảo hiểm Manulife gói gia đình bà và con (Mã số hợp đồng AB1, trị giá của bà là 400

triệu, của con là 300 triệu). Hiện tại bà không chung sống với ai, việc nguyên đơn cho rằng điều kiện cuộc sống hiện tại và điều kiện chăm sóc con không được bảo đảm là không đúng nên bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát thành phố B có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, ông N không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, bị đơn có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại chung cư phường L2; tạm trú tại phường L3, thành phố B; nên căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Ông N xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu K, sinh ngày 17/4/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình hòa giải tại tòa án bị đơn không đồng ý.

[2.2] Tại thời điểm ly hôn thì cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi nên các bên thỏa thuận giao cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Các bên không yêu cầu việc cấp dưỡng và đến thời điểm này khi yêu cầu thay đổi người nuôi con các bên cũng không yêu cầu việc cấp dưỡng, như vậy việc đề nghị thay đổi người nuôi con chỉ xuất phát từ mục đích các bên chứng minh điều kiện của mình để đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc và phát triển tốt nhất về thể chất tinh thần cho con chung là cháu K.

[2.3] Việc nuôi con, thăm gặp con sau khi ly hôn: Khi còn chung sống thì việc chăm sóc con chung rất tốt. Sau khi ly hôn thì quyền thăm con của ông N thời gian đầu được đảm bảo nhưng thời gian sau này khi bà H thay đổi công

việc làm, thay đổi nơi ở thì việc thăm gặp chăm sóc con bị hạn chế và có những điều kiện nhất định khi thăm gặp con.

[3] Xét về điều kiện nuôi con của các bên đương sự:

[3.1] Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện sau khi ly hôn và nghỉ dạy học tại thành phố B thì đến tận tháng 5/2019 bà H ký hợp đồng lao động (thử việc 02 tháng từ 16/5/2019) với Trường tiểu học, THPT H tại quận Y, thành phố Hồ Chí Minh với mức lương khi được tuyển dụng là 15 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn không cung cấp được chứng cứ xác định được công việc chính thức của mình là ổn định. Đối với ông N theo khai nhận và chứng cứ thể hiện thì công việc hiện nay rất ổn định, tổng thu nhập hàng tháng là hơn 20 triệu đồng.

[3.2] Về nơi ở: Khi còn chung sống các bên sống chung tại căn hộ tại phường L2, thành phố B, sau khi ly hôn thì hai bên thỏa thuận giao lại căn hộ cho ông N, hiện nay bà H chưa có nhà riêng mà khi di chuyển đến địa điểm mới thì thuê nhà để ở cùng với các thành viên trong gia đình là các chị em của mình.

Theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì hiện nay ông N có nơi ở và sinh sống làm việc ổn định tại thành phố B, nơi mà từ trước thời điểm ly hôn ông N bà H và gia đình hai bên nội ngoại vẫn sinh sống

[3.3] Về điều kiện tài chính: Theo chứng cứ cung cấp thời điểm hiện nay bà H và ông N có tích lũy mỗi người được 200 triệu đồng và gửi tiết kiệm tại ngân hàng, đảm bảo điều kiện cuộc sống của mình sau này.

[3.4] Điều kiện học tập hiện nay của cháu K: Đến thời điểm tháng 8/2019 cháu K chưa vào học lớp 1, trước thời điểm này cháu chỉ theo học hệ mầm non, việc bà H khai nhận cháu được học các chương trình quốc tế nhưng không có tài liệu nào chứng minh xác nhận rõ ràng các Trường cháu đã theo học.

[4] Xét lời khai của ông N về việc bà H thay đổi nơi ở, có khó khăn cho việc thăm nom chăm sóc con chung, việc ông N phải trực tiếp chăm sóc khi cháu K bị bệnh là có căn cứ. Tại phiên tòa phía bị đơn cho rằng ông N đã lập gia đình, có hành vi bạo lực trong quá trình chung sống nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[5] Xét điều kiện chăm sóc và lợi ích mọi mặt của con:

Tại Tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi con, với mong muốn được chăm sóc con tốt nhất. Do đó xét một cách toàn diện, để đảm bảo lợi ích cũng như sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần của cháu K, xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, cần thiết thay đổi và giao cháu K cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, do ông N không yêu cầu việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định của pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Thanh N. Thay đổi người trực tiếp nuôi con từ bà H cho ông N. Buộc bà H giao cháu K, sinh ngày 17/4/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008624 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

